

Số: /BC-SNV

Bắc Giang, ngày tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO

Đề án hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL ngành Nội vụ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Giang

Thực hiện Công văn số 3756/BNV-PC ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nội vụ về việc xây dựng báo cáo về hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL ngành Nội vụ; Sở nội vụ tỉnh Bắc Giang xây dựng báo cáo Đề án hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ngành Nội vụ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 với nội dung cụ thể như sau:

PHẦN I

Tình hình ban hành, thực hiện văn bản QPPL thuộc lĩnh vực Nội vụ

I. Đánh giá về hệ thống văn bản QPPL thuộc lĩnh vực Nội vụ

1. Những ưu điểm

1.1. Đánh giá về những ưu điểm trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được ban hành về quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực ngành Nội vụ

Nhìn chung, các văn bản QPPL thuộc ngành Nội vụ được ban hành cơ bản đầy đủ, đồng bộ, phù hợp với quy định của pháp luật, đáp ứng được nhu cầu quản lý Nhà nước; tạo hành lang pháp lý và điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện chính sách ở địa phương. Các văn bản VBQPPL ngành Nội vụ đã phát huy tính hiệu quả, tính khả thi trong triển khai thực hiện thực tế tại địa phương như: hệ thống VBQPPL công chức viên chức, về thi đua, khen thưởng, văn thư lưu trữ... đã được các cơ quan có thẩm quyền quan tâm ban hành đã góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005 và năm 2013; các nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng được ban hành đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để các địa phương tổ chức triển khai thực hiện. Từ khi có Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010, Nghị định và các văn bản hướng dẫn của các cấp, các ngành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thanh tra và quy định về tổ chức và hoạt động của các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra ngành Nội vụ, đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để các địa phương tổ chức triển khai thực hiện. Việc triển khai thực hiện các văn bản về lĩnh vực văn thư, lưu trữ đã đem lại những hiệu quả nhất định như: công tác văn thư đã theo kịp xu thế về văn bản văn thư điện tử (theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày

05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư); về lưu trữ truyền thống và lưu trữ điện tử được thực hiện theo Luật Lưu trữ năm 2011 và các Nghị định, Thông tư qui định hiện hành cơ bản đảm bảo các yêu cầu của địa phương trong giai đoạn vừa qua.

1.2. Đánh giá về những ưu điểm trong việc thể chế hóa chủ trương của Đảng vào chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực ngành Nội vụ.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được ban hành về quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực Nội vụ trong thời gian vừa qua đã thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Đảng vào chính sách, pháp luật của Nhà nước nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện tại về lĩnh vực ngành Nội vụ đã bám sát thực tiễn, cụ thể hóa đúng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Điều đó thể hiện ở chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, nhiệm vụ, quyền hạn của công chức, nội dung và trách nhiệm công vụ được quy định rõ ràng, gắn trách nhiệm tới từng tổ chức, cá nhân; TTHC bước đầu được cải cách theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận, kiểm tra, giám sát; các dịch vụ công dần dần được xác lập, từng bước đáp ứng nhu cầu của Nhân dân và yêu cầu CCHC; pháp luật về giám sát, thanh tra được chú trọng; hoạt động của các cơ quan nhà nước đổi mới theo hướng dân chủ hơn, phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đã được luật hóa, cụ thể.

Đối với việc thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng, các nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư của Bộ Nội vụ; UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản cụ thể hóa các quy định của Trung ương để triển khai thực hiện, như: Quyết định số 107/2008/QĐ-UBND ngày 01/10/2008 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế xét tặng danh hiệu “Doanh nghiệp Bắc Giang tiêu biểu” và “Doanh nhân Bắc Giang tiêu biểu”; Quyết định số 309/2011/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 quy định về công tác TĐKT trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 284/2012/QĐ-UBND ngày 05/9/2012 ban hành Quy định khen thưởng cho tập thể cá nhân đạt thành tích trong lĩnh vực thể thao, văn hóa - nghệ thuật, giáo dục - đào tạo và thông tin - truyền thông; Quyết định số 172/2015/QĐ-UBND ngày 05/5/2015 quy định về công tác TĐKT trên địa bàn tỉnh (*thay thế Quyết định số 309/2011/QĐ-UBND*); Quyết định số 178/2016/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy chế tổ chức, xét tôn vinh, danh hiệu, doanh nghiệp tiêu biểu, doanh nhân tiêu biểu tỉnh Bắc Giang (*thay thế Quyết định số 107/2008/QĐ-UBND*); Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định khen thưởng, khuyến khích thành tích đạt được trong lĩnh vực thể thao, giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật, văn hóa - văn nghệ, văn học - nghệ thuật và báo chí trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (*thay thế Quyết định số 284/2012/QĐ-UBND*); Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Ban hành quy định một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (*thay thế Quyết định số 172/2015/QĐ-UBND*);... Bên cạnh đó, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Hội đồng TĐKT tỉnh đã ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn. Các văn bản được ban hành đều bám sát các quy định của Trung ương, phù hợp tình hình thực tiễn tại địa phương, vì thế mà công tác thi

đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh được triển khai thuận lợi, nề nếp góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Nhìn chung các văn bản đều đảm bảo tính đầy đủ, cụ thể hóa chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực Nội vụ khi tổ chức thực hiện và có tính khả thi trong triển khai thực hiện ở địa phương.

2. Những hạn chế, tồn tại

2.1. Hạn chế, tồn tại trong nội dung văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Nội vụ còn chồng chéo, vướng mắc, chưa phù hợp trong triển khai thực tế tại địa phương

Luật Thi đua, khen thưởng, các nghị định, thông tư (gọi tắt là các văn bản của Trung ương) đã quy định chi tiết. Tuy nhiên trong triển khai thực hiện tại địa phương vẫn gặp một số vướng mắc như:

- Chưa quy định rõ mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân là theo quy định nào để làm căn cứ xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, nên trong triển khai còn lúng túng.

- Phong trào thi đua chuyên đề, đặc biệt là các phong trào có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên không quy định tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh, nên đã ảnh hưởng không tốt đến sức lan tỏa, hiệu quả từ phong trào thi đua.

- Chưa áp dụng hồ sơ khen thưởng điện tử hoặc hồ sơ khen thưởng định dạng PDF nên khó khăn cho việc quản lý hồ sơ lưu.

Hệ thống văn bản QPPL ở Trung ương có sự thay đổi, đặc biệt là sau khi Hiến pháp năm 2013 được Quốc hội thông qua; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và các văn bản pháp luật chuyên ngành được ban hành; gây khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện, nhất là việc thể chế hóa, chi tiết hóa thành các văn bản QPPL ở địa phương.

- Một số Bộ, ngành còn chậm ban hành các văn bản hướng dẫn như: Thông tư của Bộ Nội vụ và các Bộ ngành có liên quan dẫn đến các địa phương khó khăn trong triển khai thực hiện xây dựng danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn, khung năng lực của từng vị trí việc làm, tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp của viên chức,...

- Trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng hiện Nghị định 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ đã bộc lộ một số hạn chế cần sớm sửa đổi, bổ sung về phân công, phân cấp trong đào tạo bồi dưỡng chưa cụ thể; nội dung chương trình bồi dưỡng còn bất cập chưa có sự phân tách giữa công chức, viên chức; những bất cập liên quan đến chứng chỉ bồi dưỡng như tin học, ngoại ngữ, chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn ngạch công chức chưa có sự điều chỉnh, bổ sung kịp thời,...

Việc thực hiện Luật Lưu trữ năm 2011 còn gặp khó khăn như: về Lưu trữ lịch sử không bố trí ở cấp huyện mà chỉ còn ở cấp tỉnh, trong khi việc đầu tư xây dựng Kho lưu trữ chuyên dụng của mỗi địa phương lại chưa kịp thời, do đó việc tiếp nhận tài liệu từ cấp huyện lên khó thực hiện được ngay.

Về lưu trữ tại các cơ quan, tổ chức nhất là các sở, ban, ngành cấp tỉnh khối lượng tài liệu sản sinh rất lớn nhưng, loại tài liệu có thời hạn bảo quản vĩnh viễn để nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử lại chiếm tỉ lệ thấp (khoảng 30-35% tổng số), khối lượng còn lại được lưu tại Lưu trữ cơ quan thì việc đầu tư, bố trí kho bảo quản tài liệu không đồng bộ, thống nhất. Mặt khác con người làm nhiệm vụ lưu trữ cơ quan không còn chuyên trách đã phần nào ảnh hưởng tới việc thực hiện quy định của Luật.

2.2. Hạn chế trong việc chậm thể chế hóa chủ trương của Đảng vào hệ thống pháp luật thuộc lĩnh vực Nội vụ

Nghị định số 143/2020/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP quy định độ tuổi nghỉ trước theo Luật lao động mới (kéo dài tuổi nghỉ hưu), tuy nhiên số năm nghỉ trước vẫn giữ nguyên từ đủ 02 năm đến tối đa 05 năm. Việc kéo dài tuổi nghỉ hưu ảnh hưởng lớn tới đơn vị sử dụng lao động có đối tượng cán bộ, công chức, viên chức có sức khỏe yếu, năng lực chuyên môn hạn chế, đặc biệt đối với đối tượng cán bộ, công chức, viên chức là nữ.

2.3. Hạn chế trong việc thực thi, áp dụng trên thực tiễn các quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực Nội vụ tại địa phương

Công tác ban hành mới, sửa đổi, bổ sung thay thế các văn bản thuộc một số lĩnh vực còn chậm, chưa kịp thời, nhiều nội dung văn bản quy phạm sửa đổi, bổ sung nhiều lần trong thời gian ngắn, "tính ổn định" chưa cao dẫn đến khó khăn khi triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan như:

Năm 2019, Quốc hội ban hành Luật lao động trong đó có nội dung điều chỉnh độ tuổi nghỉ hưu của người lao động. Ngày 10/12/2020 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 143/2020/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, tuy nhiên hiện nay khi áp dụng có nhiều cách hiểu về cách tính tuổi để áp dụng nghỉ hưu trước tuổi theo chính sách tinh giản biên chế, các đơn vị đã có ý kiến nhiều lần về Trung ương nhưng đến nay Bộ Nội vụ vẫn chưa có văn bản hướng dẫn về cách tính tuổi nghỉ để có cơ sở giải quyết chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, gây khó khăn cho cơ sở trong việc bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức và tinh thần của chính sách tinh giản biên chế.

2.4. Hạn chế trong việc hệ thống pháp luật chưa kịp thời cập nhật, ban hành mới, sửa đổi, bổ sung thay thế các văn bản thuộc lĩnh vực Nội vụ

Công tác ban hành mới, sửa đổi, bổ sung thay thế các văn bản thuộc một số lĩnh vực còn chậm, chưa kịp thời, nhiều nội dung văn bản quy phạm sửa đổi, bổ sung nhiều lần trong thời gian ngắn, "tính ổn định" chưa cao dẫn đến khó khăn khi triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan như:

- Ngày 08/08/2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 132/2007/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế; Đến ngày 20/10/2014 Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2015 về chính sách tinh giản biên chế, và có các Nghị định 113/2018/MĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 108/2014/NĐ-CP, tuy nhiên khi ban hành các Nghị định sau này về chính sách tinh giản biên

chế không bãi bỏ Nghị định 132/2007/NĐ-CP nên hiện nay các Nghị định này đang song song tồn tại.

Năm 2019, Quốc hội ban hành Luật lao động trong đó có nội dung điều chỉnh độ tuổi nghỉ hưu của người lao động. Ngày 10/12/2020 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 143/2020/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, tuy nhiên hiện nay khi áp dụng có nhiều cách hiểu về cách tính tuổi để áp dụng nghỉ hưu trước tuổi theo chính sách tinh giản biên chế, các đơn vị đã có ý kiến nhiều lần về Trung ương nhưng đến nay Bộ Nội vụ vẫn chưa có văn bản hướng dẫn về cách tính tuổi nghỉ để có cơ sở giải quyết chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, gây khó khăn cho cơ sở trong việc bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức và tinh thần của chính sách tinh giản biên chế.

- Năm 2019, Quốc hội ban hành Luật Dân quân tự vệ (thay thế Luật Dân quân tự vệ năm 2009); Ngày 30/6/2020 Chính phủ ban hành Nghị định 72/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ. Trong đó có quy định một số nội dung về đối tượng, chế độ chính sách đối với Ban chỉ huy quân sự cấp xã, cụ thể:

Các đối tượng hưởng thâm niên quân sự cấp xã: Ngày 28/7/2016, Bộ Quốc phòng căn cứ vào Luật Dân quân tự vệ năm 2009 có văn bản số 7106/BQP-TC trả lời công thông tin điện tử Chính phủ: Bí thư Đảng ủy kiêm chính trị viên, Bí thư Đoàn xã kiêm Chính trị viên Phó thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm nên không được hưởng phụ cấp thâm niên quân sự.

Tuy nhiên năm 2019 Luật Dân quân tự vệ mới và Nghị định 72/2020/NĐ-CP ban hành nội dung quy định về đối tượng hưởng thâm niên chính trị viên vẫn giữ nguyên theo Luật Dân quân tự vệ năm 2009, không nêu rõ đối tượng Bí thư Đảng ủy đảm nhận Chính trị viên và Bí thư Đoàn xã đảm nhận chính trị viên phó (*chế độ kiêm nhiệm*) có được hưởng phụ cấp thâm niên quân sự hay không nên trong quá trình thực hiện chi trả cho đối tượng ở một số nơi không thống nhất, có huyện chi trả, có huyện không chi trả.

- Căn cứ tại Khoản 2, Điều 10 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP về việc cộng nối thời gian hưởng thâm niên: *"Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã có thời gian công tác ở các ngành nghề khác nếu được hưởng phụ cấp thâm niên thì được cộng nối thời gian đó với thời gian giữ các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự cấp xã để tính hưởng phụ cấp thâm niên. Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên quy định tại khoản 1 Điều này nếu có đứt quãng thì được cộng dồn"*. Tuy nhiên hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn chi tiết về cách cộng dồn như thế nào.

- Căn cứ tại Điều 7, Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ và công văn số 1351/SNV-XDCQ&CTTN ngày 16/11/2016 của Sở Nội vụ quy định về chế độ, chính sách đối với Trưởng công an xã, Phó trưởng công an xã và công an viên. Tuy nhiên trong văn bản không hướng dẫn rõ đối với trường hợp là phó công an, công an viên xã có thời gian công tác liên tục trong ngành trên 15 năm, trong đó có 5 năm cuối đóng BHXH, khi nghỉ việc đã làm thủ

tục hưởng trợ cấp 1 lần theo chế độ của bảo hiểm xã hội 5 năm thì có tiếp tục được hưởng chế độ 1 lần theo Nghị định 73/2009/NĐ-CP nữa hay không? (vì số tiền trợ cấp BHXH 1 lần cho 5 năm đóng BHXH nhỏ hơn số tiền trợ cấp 1 lần theo ND 73).

- Về quy định chế độ nâng lương đối với cán bộ công chức: Trong Luật cán bộ, công chức, Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ chưa có quy định về trường hợp cán bộ, công chức đang trong thời gian bị truy tố, xét xử nhưng không bị tạm giam, tạm giữ có được nâng lương thường xuyên hay không.

- Trong lĩnh vực hợp đồng lao động theo Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ hiện đến nay chưa có văn bản hướng dẫn của Bộ ngành có liên quan đối với việc thực hiện tại các lĩnh vực khác ngoài Giáo dục và Y tế.

- Việc chậm tham mưu Luật Lưu trữ sửa đổi, bổ sung về nội dung lưu trữ điện tử hiện nay và các văn bản quy định, hướng dẫn dưới luật đang gây khó khăn cho công tác lập hồ sơ và giao nộp hồ sơ vào lưu trữ điện tử, việc quản lý tài liệu điện tử.

2.5. Hạn chế trong việc chưa có văn bản điều chỉnh các mối quan hệ xã hội mới phát sinh trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực Nội vụ

Việc áp dụng quyền bầu cử của cử tri trong tình hình diễn biến của đại dịch Covid-19 đối với các cử tri cách ly y tế tập trung.

II. Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại

1. Nguyên nhân chủ quan

Trong quá trình xây dựng văn bản chưa lường hết các tình huống xảy ra ở cơ sở, nhất là bầu cử trong tình hình diễn biến phức tạp, khó lường của đại dịch Covid-19 nên một số hạn chế, vướng mắc xảy ra trong quá trình tổ chức bầu cử tại tỉnh Bắc Giang cũng như cả nước.

Một số tiêu chí của đơn vị hành chính quy định trong nghị quyết số 1211/2016/NQ-UBTVQH13 chỉ áp dụng khi tách, thành lập mới đơn vị hành chính. Tuy nhiên, trong quá trình rà soát lại chỉ đạo áp dụng sắp xếp lại các đơn vị hành chính chưa đủ tiêu chuẩn...

2. Nguyên nhân khách quan

Do thường xuyên có sửa đổi, bổ sung của các pháp luật có liên quan, nên việc tham mưu sửa đổi, bổ sung Luật Thi đua, khen thưởng và nghị định chưa được kịp thời.

III. Yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL thuộc lĩnh vực Nội vụ

Việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải cụ thể hóa đầy đủ, đúng chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước vào thực tế, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở triển khai thực hiện.

PHẦN II.

Đề xuất nhiệm vụ hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL thuộc lĩnh vực Nội vụ

I. Đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản QPPL và các nội dung cụ thể

1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Nội vụ

a) Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các Luật

- Luật Lưu trữ năm 2011.

- Đề xuất sửa đổi Nghị quyết số 1211/2016/NQ-UBTVQH13 về một số nội dung cụ thể:

Xem xét, chỉnh sửa, bổ sung những tồn tại về tiêu chuẩn đơn vị hành chính các cấp, như quy mô về diện tích như vậy là quá lớn, quá nhiều nhiều đơn vị hành chính chưa đảm bảo về tiêu chuẩn này, không phù hợp với tình hình thực tiễn các đơn vị hành chính đang tồn tại ở cơ sở; chỉ nên áp dụng với thành lập đơn vị hành chính mới để hạn chế tăng đơn vị hành chính là phù hợp.

Về thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính, đang được Đảng và Nhà nước khuyến khích thực hiện, tuy nhiên quy trình thực hiện như thành lập mới là còn rườm rà, đề nghị phân cấp việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã do Bộ Nội vụ; cấp huyện do Chính phủ; cấp tỉnh do Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện;

Thực hiện phân loại đơn vị hành chính, nhất là các tiêu chí phân loại cần sửa đổi, bổ sung việc phân loại cho phù hợp với tình hình hiện nay, cụ thể về tỷ lệ một số tiêu chí còn chiếm tỷ lệ cao: về phát triển kinh tế - xã hội, về dân số (chiếm 35%), diện tích (30%), xây dựng nông thôn mới (20%) và các tiêu chí khác... đề nghị điều chỉnh giảm về dân số, giảm về xây dựng nông thôn mới, tăng về khuyến khích phát triển KTXH, yếu tố đặc thù vùng cao, khó khăn...

b) Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản dưới Luật

- Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

- Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ.

2. Đề xuất nội dung cụ thể

a) Các nội dung cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới

- Lĩnh vực Công chức – Viên chức;

+ Đề nghị Bộ Nội vụ sớm ban hành Thông tư hướng dẫn về Đề án vị trí việc làm của công chức, viên chức để việc triển khai được kịp thời.

+ Đề nghị Bộ Nội vụ sớm ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo cán bộ, công chức.

+ Đề nghị Bộ Nội vụ sớm có văn bản hướng dẫn việc thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ đối với các lĩnh vực khác ngoài Giáo dục và Y tế.

- Lĩnh vực Tổ chức - Biên chế;

+ Đề nghị tăng thời gian được nghỉ trước của chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định 108 từ 2 năm đến 7 năm thay vì từ 2 năm đến 5 năm như hiện tại nhằm tinh gọn bộ máy (tinh gọn những đối tượng có sức khỏe không đảm bảo, năng lực trình độ hạn chế có nguyện vọng được tinh giản), thu hút nhân tài tuyển dụng được những cán bộ, công chức có trình độ, năng lực.

- Lĩnh vực Chính quyền địa phương;

+ Sửa đổi, bổ sung Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND về một số nội dung cụ thể:

+ Những khu vực bỏ phiếu đã có 100% cử tri trong danh sách đi bỏ phiếu được phép kết thúc thời gian bỏ phiếu sớm để mở hòm phiếu kiểm phiếu kết quả bầu cử.

+ Quy định rõ quyền bầu cử của cử tri đối với trường hợp các cử tri đã được lập danh sách cử tri nhưng do dịch bệnh hoặc lý do khác phải di chuyển sang khu vực bỏ phiếu khác trong cùng đơn vị cấp xã (*được bầu cấp xã*), sang đơn vị hành chính cấp xã khác trong cùng đơn vị hành chính cấp huyện (*được bầu cấp huyện*).

+ Đề nghị bổ sung nội dung quy định xử lý kỷ luật công chức cấp xã bởi Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 đã bãi bỏ chương 6, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 (phần xử lý kỷ luật).

+ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ quy định giảm mỗi đơn vị hành chính cấp xã 02 biên chế so với quy định của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ; đồng thời quy định cán bộ luân chuyển huyện về xã và bố trí công an chính quy tính vào số lượng của cấp xã, trong khi đó Nghị định số 69/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 quy định tăng số người đảm nhiệm chức danh Phó Chủ tịch UBND cấp xã loại 1,2 nhưng không được tăng số lượng chung của đơn vị do đó số lượng công chức cấp xã hạn chế khó khăn trong quá trình thực thi công vụ. Đề nghị sửa đổi không tính cán bộ luân chuyển cấp huyện về cấp xã và công an chính quy vào số lượng chung của cấp xã.

- Lĩnh vực Tiền lương;

+ Chính sách tiền lương trong khu vực công còn phức tạp, thiết kế hệ thống bảng lương chưa phù hợp với vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo; còn mang nặng tính bình quân, không đảm bảo được cuộc sống, chưa phát huy được nhân tài, chưa tạo động lực để nâng cao chất lượng và hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức, viên chức.

+ Quy định mức lương cơ sở nhân với hệ số không thể hiện rõ giá trị thực của tiền lương. Có quá nhiều loại phụ cấp, nhiều khoản thu nhập ngoài lương do nhiều cơ quan, nhiều cấp quyết định bằng các văn bản quy định khác nhau làm

phát sinh những bất hợp lý, không thể hiện rõ thứ bậc hành chính trong hoạt động công vụ.

+ Đề khắc phục tình trạng trên, đề nghị Trung ương nghiên cứu triển khai thực hiện cải cách tiền lương cho phù hợp với thực tế để thúc đẩy phòng chống tham nhũng, tạo động lực cho hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ.

+ Bổ sung quy định về thực hiện nâng lương đối với cán bộ, công chức đang trong thời gian bị truy tố, xét xử nhưng không bị tạm giam, tạm giữ.

- Lĩnh vực CCHC;

Đề nghị ban hành Thông tư hoặc Nghị định có quy định cụ thể nội dung chi hỗ trợ đối với cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp.

Các nội dung cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới:

Đề nghị bổ sung quy định về mức chi hỗ trợ đối với cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp. Cụ thể: cấp tỉnh tối thiểu 1.500.000 đồng/tháng; cấp huyện, tối thiểu 1.300.000 đồng/tháng; cấp xã, tối thiểu 1.000.000 đồng/tháng.

Công chức làm nhiệm vụ đầu mối kiểm soát TTHC có quy định mức hỗ trợ hàng ngày. Tuy nhiên, công chức phụ trách công tác cải cách hành chính của cơ quan, địa phương không được quy định. Đề nghị có quy định mức chi hỗ trợ đối với công chức phụ trách công tác cải cách hành chính của cơ quan, địa phương.

- Lĩnh vực thanh tra, kiểm tra, xử lý cán bộ, công chức vi phạm pháp luật trong lĩnh vực nội vụ;

+ Sửa đổi Nghị định số 90/2012/NĐ-CP ngày 05/11/2012.

+ Quy định về các biện pháp cưỡng chế trong xử lý sau thanh tra, chế tài xử lý trong việc không chấp hành thực hiện kết luận thanh tra, nhất là chưa có các văn bản hướng dẫn về trình tự thủ tục, xử lý các sai phạm phát hiện sau thanh tra đối với thanh tra chuyên ngành Nội vụ.

- Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng;

+ Quy định rõ mức độ đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân theo quy định nào. Đồng thời tiêu chuẩn tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng nên căn cứ: Thành tích tập thể, cá nhân đó phải liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; sáng kiến đối với đề nghị tặng danh hiệu thi đua; danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (ở mức thấp) đối với đề nghị tặng hình thức khen thưởng ở mức cao hơn.

+ Bổ sung tặng danh hiệu Cờ thi đua của UBND tỉnh đối với phong trào thi đua theo chuyên đề từ 03 năm trở lên.

+ Quy định hồ sơ khen thưởng điện tử và hồ sơ khen thưởng định dạng PDF.

- Lĩnh vực Văn thư – Lưu trữ Nhà nước

Luật Lưu trữ sửa đổi: các nội dung về quản lý tài liệu lưu trữ điện tử; quản lý lưu trữ tư; quản lý hoạt động dịch vụ lưu trữ; chế tài xử lý vi phạm về lưu trữ.

Ban hành Nghị định và các Thông tư về lĩnh vực lưu trữ điện tử.

II. Tham gia ý kiến về dự thảo đề cương Đề án

Sở Nội vụ tỉnh Bắc Giang cơ bản nhất trí với nội dung và bố cục của dự thảo Đề án “Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ngành Nội vụ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030”. Tuy nhiên, đề nghị cần cụ thể hóa chi tiết thời gian hoàn thiện các văn bản để kịp thời giúp cơ sở triển khai thực hiện, nhất là các văn bản đang triển khai gặp vướng mắc mà cơ sở đề xuất sửa đổi, hướng dẫn như: Nghị quyết số 1211/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND ngày 25/6/2015;

Trên đây là Báo cáo Đề án hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL ngành Nội vụ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Giang./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quang Đông